

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2023

Về: “*ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Minh Ngọc.

Bà Phan Thị Thanh Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Lan Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2023 về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm: 1992, địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Q. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Châu Ngọc H, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà H trình bày:

Tôi và ông H tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã M, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không cùng quan điểm, sống không hợp nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung có 02 cháu Châu Ngọc B, sinh ngày 27/11/2012 và Châu Khả H, sinh ngày 11/02/2019. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cả hai cháu vì anh H không đến Tòa án nhưng có nói với tôi giao cả hai con cho tôi nuôi. Tôi không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung vì tôi có nghề nghiệp ổn định, đủ khả năng kinh tế để nuôi con. Ông H khi nào muốn có thể tự cấp dưỡng, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Châu Ngọc H không có lời khai tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên tòa mà không có lý do chính đáng chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho bà Nguyễn Thị Xuân H được ly hôn với ông Châu Ngọc H. Về con chung do ông H không đến tham gia phiên tòa cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H tại hồ sơ, xét giao cả hai con chung Châu Ngọc B và Châu Khả H cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi để đảm bảo sự phát triển ổn định cho các cháu. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt vấn đề giải quyết. Tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ bà H không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bà Nguyễn Thị Xuân H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với ông Châu Ngọc H, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Ông H là bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do chính đáng, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Châu Ngọc H tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào

năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống giữa bà H và ông H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H trình bày là do vợ chồng không cùng quan điểm, sống không hợp nhau. Nay bà H xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông H, không thể chung sống với ông H được nữa nên xin ly hôn. Về phần ông Châu Ngọc H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ; hoà giải và tại phiên tòa hôm nay. Điều này cho thấy ông H không thật sự mong muốn hòa giải, không mong hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình cùng bà H. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông H không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H về việc ly hôn với ông Châu Ngọc H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà H và ông H có 02 cháu Châu Ngọc B, sinh năm 2012 và Châu Khả H, sinh năm: 2019. Tại phiên tòa bà H yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Xét thấy, việc giao con cho ai cần phải đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần cho các cháu. Bà H và ông H đều có việc làm và thu nhập ổn định, đủ khả năng để nuôi con. Cháu H là nữ, còn nhỏ, rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Đối với cháu B trên bảy tuổi, cần xem xét nguyện vọng của cháu B muốn được ở với ba. Tuy nhiên xét thấy ông H không có lời khai tại hồ sơ, không đến tham gia phiên tòa mặc dù đã được triệu tập họp lệ, không trình bày ý kiến về việc nuôi con hay không. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu được nuôi cả hai con. Các con hiện nay đều do bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy, nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định, bình thường cho các cháu, Hội đồng xét xử xét giao cháu Châu Khả H, sinh năm: 2019 và cháu Châu Ngọc B, sinh năm: 2012 cho bà H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân Hg về: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” đối với bị đơn ông Châu Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Xuân H được ly hôn với ông Châu Ngọc H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Châu Ngọc B, sinh năm: 2012 và Châu Khả H, sinh năm 2019 cho bà Nguyễn Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Xuân H phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0011544 ngày 08/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Núi Thành;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Giang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Thùy